TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thụy;
2. Ông Phạm Huy Điệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1989; (Vắng mặt lần thứ hai)

HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã V, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/12/2021. Sau ngày cưới chị và anh P ra tỉnh Quảng Ninh làm công nhân đến cuối tuần về quê ở xã V, huyện N. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Chị không chịu đựng được đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ để ở vào tháng 4 năm 2022. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị bỏ ra ngoài thuê phòng trọ đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh P.

Về quan hệ con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lê Văn P: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh P đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã Văn Hội cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn P kết hôn với nhau hợp pháp vào năm 2021. Sau ngày cưới vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ anh P ở thôn 2, xã V, huyện N, sau đó anh chị đi làm ở tỉnh Quảng Ninh, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, anh P sức khỏe yếu phải chạy thận 03 lần/01 tuần. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tích cực hòa giải cho anh chị đoàn tụ nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh P.

Tại phiên Tòa: Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn P vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Văn P; Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh P đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh, chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

[3] Chị T khởi kiện xin ly hôn, anh P biết rõ việc chị T khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, mặc dù anh P không đến Toà án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T song tại lời khai của chị T,

Biên bản xác minh ngày 28/02/2023 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị T và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị T. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh P.

[4] *Về quan hệ con chung*: Không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Văn P.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000248, ngày 08 tháng 11 năm 2022.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã V, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long